



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN VAN THAO
Last Middle First DON G THAP

Current Address 599/3 AP: AN-NINH - XA: DINH AN-H: THANH HUNG

Date of Birth 12-20-46 Place of Birth MY THOI - ANGIANG

Names of Accompanying Relatives/Dependents

VO THI HUONG NGUYEN THI AN TRINH
NGUYEN THI PHU YEN
NGUYEN KE TRUONG

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 30-4-75 To 12-2-1980

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>NGUYEN QUI HOA</u>	<u>(FRIEND)</u>		

Form Completed By:

NGUYEN QUI HOA
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN THAO
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
VO THI HUONG	2-6-1950	WIFE
NGUYEN THI PHUYEN	10-28-1971	Daughter
NGUYEN KE TRUONG	1973	SON
NGUYEN THI AN TRINH	1974	Daughter

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TỬ NHÂN) : NGUYEN VAN THAO
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 - 20 1946
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : M Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : M.
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 599/3 AP: AN-NINH - XA: DINH AN
 (Địa chỉ tại VN) : HUYEN: THANH HUNG - TINH: DONG THAP. VN.

POLITICAL PRISONER (Có là tử binh tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không)
 : If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 30-4-75 To (Đến) : 11-2-980

PLACE OF RE-EDUCATION : DONG-CAT → LANG BIEN . DONG THAP
 CAMP (TRẠI TỬ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : FARMER

EDUCATION IN U.S. : —
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : 1st LIEUTENANT

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : NONE No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 04 (FOUR)
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN : 599/3 AP: ANNINH - XA: DINHAN - HUYEN:
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) THANH-HUNG - TINH: DONG THAP . VN.

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYEN QUI HOA
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bào Trợ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : Yes No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : PRISONER'S FRIEND

NAME AND SIGNATURE : NGUYEN QUI HOA
 ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, Điện thoại của người điền đơn này) : —

DATE : 2 - 15 1990
 Month (tháng) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN THAO
 (Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
VO; THI HUONG	2-6-1950	wife
NGUYEN, THI PHUYEN	10-28-1971	Daughter
NGUYEN, KE TRUONG	1973	SON
NGUYEN, THI ANTRINH	1974	daughter

ADDITIONAL INFORMATION:

NGUYEN



TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

FEB 26 1990

CONTROL

- Card
- Doc. Request; Form
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- OBP/Date _____
- Membership; Letter

4/16/90